

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG HỢP ĐỒNG THEO THÔNG TƯ 15/2012/TT-BNV
Tháng 10 năm 2017

Số TT	Họ và tên	Cấp bậc CV	Mã số ngạch lương	Lương hệ số										Nghỉ không hưởng lương		10,5% bảo hiểm trừ vào lương	Tổng số tiền lương còn được lĩnh	Ghi chú	Khoa phòng
				Hệ số lương	Vượt khun g	Hệ số PC chức vụ	Hệ số PC khác					Cộng hệ số	Thành tiền (mức lương tối thiểu: 1.300.000đ	Số ngày	Số tiền				
							khu vực	KN	Trách nhiệm	Độc hại	Ưu đãi								
A	B2	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	18	19
1	Bùi Thanh Lâm	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa A10
2	Trần Anh Dũng	2/12	V080719	2,06			0,40			0,40	0,824	3,684	4.789.200			281.190	4.508.010		Khoa Chẩn đoán hình ảnh
3	Nguyễn Bích Phương	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa Tai Mũi Họng
4	Trần Thanh Mai	1/9	V080103	2,34							0,936	3,276	4.258.800			319.410	3.939.390		Khoa Xét nghiệm
5	Đinh Phương Lan	1/9	V080103	2,34			0,40			0,30	1,638	4,678	6.081.400			319.410	5.761.990		Khoa Giải phẫu bệnh
6	Nguyễn Hồng Quân	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa Sản
7	Nguyễn Thị Thùy	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa Sản
8	Phạm Văn Hòa	1/9	V080103	2,34			0,40				1,404	4,144	5.387.200			319.410	5.067.790	Truy lĩnh ưu đãi	Khoa Nhi
9	Trần Văn Dương	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa Ung bướu
10	Hán Xuân Trường	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa Chấn thương - Chính hình
11	Vũ Trọng Bình	1/9	V080103	2,34			0,40				1,404	4,144	5.387.200			319.410	5.067.790		Khoa Cấp cứu
12	Vì Minh Nguyệt	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa Phục hồi Chức năng
13	Lê Thị Duyên	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa Phục hồi Chức năng
14	Nguyễn Thị Thúy Hồng	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa Y học Cổ truyền
15	Đặng Anh Văn Lâm	1/9	V080103	2,34			0,40				0,936	3,676	4.778.800			319.410	4.459.390		Khoa Lão khoa
	Tổng cộng			34,82	0,00	0,00	5,60	0,00	0,00	0,70	15,566	56,686	73.691.800	0	0	4.752.930	68.938.870		